

Số: **1275** /KH-BNN-VP

Hà Nội, ngày **10** tháng **5** năm 2011

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở
miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo giai đoạn 2011 – 2015**

I. BỐI CẢNH, SỰ CẦN THIẾT

1. Đặc điểm tình hình

Thực hiện đường lối Đổi mới của Đảng, trong những năm qua nông nghiệp và nông thôn nước ta liên tục giành được những thành tựu to lớn và toàn diện. Nông nghiệp tiếp tục phát triển với tốc độ khá cao; cơ cấu sản xuất chuyển dịch theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả. Năm 2010, tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt trên 18 tỷ USD, đưa nước ta thành một trong những quốc gia xuất khẩu nông, lâm, thủy sản lớn trên thế giới. Nhiều mặt hàng nông, lâm, thủy sản có sức cạnh tranh cao, chiếm được vị thế quan trọng trên thị trường thế giới như: gạo, thủy sản, đồ gỗ, cà phê và cao su... đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD/năm.

Cùng với sự chỉ đạo, lãnh đạo sát sao của Đảng, Chính phủ và Quốc hội, sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ, ngành, địa phương và tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, sáng tạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có nhiều giải pháp khoa học, hiệu quả nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để đẩy mạnh sản xuất, qua đó góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế-xã hội, đảm bảo an ninh lương thực; đời sống và thu nhập của đại bộ phận nông dân tiếp tục được cải thiện; cơ sở hạ tầng nông thôn được cải tạo, nâng cấp; công tác thông tin, tuyên truyền về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đến cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo bước đầu thực hiện có hiệu quả, tạo sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội trong nước.

Tuy nhiên, những thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng và nguồn lực. Việc chuyển dịch cơ cấu và đổi mới cách thức sản xuất còn chậm. Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn còn thấp, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo. Theo số liệu thống kê, thu nhập bình quân đầu người ở những vùng này chỉ bằng khoảng 40%

so với bình quân chung cả nước, trong đó số hộ nghèo chiếm 63,7% trong tổng số hộ nghèo của cả nước. Nghèo đói là nguyên nhân chính dẫn đến phá rừng, di cư tự do... Một số nơi, đồng bào bị kẻ xấu lợi dụng, kích động, lôi kéo, gây mất an ninh, trật tự. Chính vì vậy, yêu cầu cấp bách hiện nay là cần nhanh chóng thúc đẩy sự phát triển toàn diện và bền vững kinh tế, xã hội khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo.

Do đặc thù của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp trải khắp trên mọi miền đất nước. Điều kiện làm việc, công tác, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh phụ thuộc nhiều vào môi trường, thời tiết, thời vụ,... Ngoài ra, hàng năm còn phải thường xuyên đối mặt với hàng loạt nguy cơ rủi ro do hạn hán kéo dài trên diện rộng, bão lũ với những yếu tố bất thường, dịch bệnh trên gia súc, gia cầm luôn có nguy cơ tiềm ẩn bùng phát, biến đổi khí hậu, môi trường xuống cấp cũng đã ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông nghiệp và đời sống của bà con nông dân.

Để nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân làm nông nghiệp, hạn chế những rủi ro trên cần thực hiện có hiệu quả hơn công tác thông tin, tuyên truyền về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đến cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

2. Thực trạng về thông tin và truyền thông cơ sở ở khu vực miền núi, vùng sâu vùng xa, biên giới hải đảo

Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước, các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị xã hội các cấp đã quan tâm và tập trung triển khai nhiều hoạt động đưa thông tin về cơ sở cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo nên công tác trên đạt được nhiều kết quả quan trọng, đã góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số.

Hiện nay, hoạt động đưa thông tin về cơ sở trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn được thực hiện qua các phương tiện chủ yếu là: truyền hình, phát thanh, báo in, tạp chí, mạng Internet hoặc thông qua hoạt động của cơ quan khuyến nông, các tổ chức xã hội đoàn thể, thông qua cơ quan báo chí trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như:

+ Báo Nông nghiệp Việt Nam: là cơ quan báo duy nhất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Báo là kênh thông tin tuyên truyền của Bộ, với nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông

thôn, là diễn đàn xã hội vì sự nghiệp phát triển nông nghiệp và nâng cao dân trí nông thôn.

Hiện nay, Báo phát hành 5 kỳ/tuần, với số lượng xuất bản 27.000 bản/kỳ, tuy nhiên đối tượng phục vụ chủ yếu là cán bộ công nhân viên chức trong ngành.

+ Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: là tạp chí khoa học công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tạp chí cung cấp thông tin về lĩnh vực khoa học công nghệ và quản lý kinh tế của ngành nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản, là diễn đàn trao đổi của các nhà khoa học, quản lý về công tác nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ, cơ chế, chính sách, thị trường nông, lâm sản. Hiện nay, Tạp chí xuất bản định kỳ một tháng 1 số với số lượng 1.000 bản/kỳ, trong đó, đối tượng phục vụ chủ yếu là các nhà khoa học, quản lý.

+ Một số ấn phẩm khác

Ngoài Báo Nông nghiệp Việt Nam, Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hiện nay một số cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ cũng xuất bản các loại ấn phẩm như: Bản tin Khuyến nông, Bản tin Kiểm lâm, Bản tin Chăn nuôi, Bản tin Nước sạch & Vệ sinh môi trường nông thôn và số ít chuyên đề chuyên ngành khác. Tuy nhiên, số lượng phát hành rất hạn chế (khoảng 1.000 bản/kỳ) và thường xuất bản theo nhu cầu thông tin riêng của từng cơ quan, đơn vị.

Đánh giá chung, hoạt động đưa thông tin về cơ sở trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn hiện nay còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu, thể hiện ở một số điểm sau:

- Nhận thức về chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn của người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo vẫn còn hạn chế và không đồng đều. Một bộ phận không nhỏ người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo vẫn chưa nhận thức đúng và coi trọng việc áp dụng kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp.

- Nhận thức về hoạt động đưa thông tin về cơ sở cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo của các cơ quan quản lý nhà nước, của cán bộ làm công tác này chưa cao; vị trí, vai trò của công tác này còn chưa được chú trọng đúng mức.

- Nội dung và tần suất các hoạt động đưa thông tin về cơ sở chưa thường xuyên, liên tục và được chọn lọc để phù hợp với người dân nông thôn và đồng

bào dân tộc thiểu số miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo. Hiện nay, trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Đài phát thanh, truyền hình, báo, tạp chí, internet... đã có những chuyên trang, chuyên mục thông tin chuyên về lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn, tuy nhiên về số lượng và thời lượng còn rất hạn chế, không tập trung và chưa có trọng tâm, trọng điểm.

- Hình thức thông tin chưa thích hợp với điều kiện sống của người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo. Các hình thức, biện pháp thông tin, tuyên truyền chưa được đổi mới, nâng cao để phù hợp với từng địa bàn, điều kiện kinh tế xã hội. Hiện nay, ở những vùng sâu, vùng xa... vẫn chưa có một tài liệu chính thống của cơ quan chuyên ngành phát hành phục vụ cho hoạt động thông tin, tuyên truyền về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Đội ngũ làm công tác thông tin tuyên truyền còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, thường kiêm nhiệm. Theo số liệu thống kê, hiện nay trung bình ở khu vực miền núi, một cán bộ khuyến nông, khuyến lâm phụ trách 37.000 người dân, trong khi đó những thông tin của Đảng, Nhà nước và Bộ, ngành về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thường xuyên được đổi mới, ban hành; chính vì vậy nếu chỉ dựa vào lực lượng khuyến nông viên cơ sở trong hoạt động này sẽ không đáp ứng được nhu cầu thông tin của người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo

- Cơ chế phối hợp giữa cơ quan hành chính nhà nước với các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị đặc biệt là ở xã, phường, thị trấn ở vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo trong việc thông tin, tuyên truyền về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn chưa cụ thể, hiệu quả.

3. Sự cần thiết thực hiện Chương trình tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, an ninh, quốc phòng và công tác quản lý, điều hành

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

Công tác thông tin, tuyên truyền về nông nghiệp và phát triển nông thôn đã được các cấp, các ngành quan tâm và chỉ đạo quyết liệt.

Ngày 5/8/2008 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã đề ra nhiều mục tiêu, trong đó mục tiêu “không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn, hài hòa giữa các vùng, tạo sự chuyển biến nhanh hơn ở các vùng

còn nhiều khó khăn” có một ý nghĩa quan trọng, đặc biệt là việc “nâng cao khả năng tiếp cận thông tin cho mọi vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo”.

Tại Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ NN và PTNT, Chính phủ có giao cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong đó có thông tin tuyên truyền về nông nghiệp và phát triển nông thôn cho các đối tượng liên quan trong phạm vi cả nước bao gồm cả cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

b) Cơ sở thực tiễn

Căn cứ vào đặc điểm tình hình của Bộ và ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng như thực trạng về thông tin và truyền thông cơ sở ở khu vực miền núi, vùng sâu vùng xa, biên giới hải đảo như đã phân tích ở trên công tác thông tin tuyên truyền về lĩnh vực này có vai trò quan trọng và thực sự cần thiết nhằm nâng cao đời sống vật chất tinh thần, khả năng tiếp cận kiến thức khoa học kỹ thuật, thị trường, mức hưởng thụ các dịch vụ thông tin của người dân, thúc đẩy sự phát triển của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nói riêng và hiệu quả quản lý điều hành của cơ quan nhà nước nói chung, đồng thời góp phần đấu tranh với các luận điệu sai trái, đảm bảo an ninh, quốc phòng.

Với các cơ sở trên, việc xây dựng và triển khai thực hiện “Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo” nói chung, Dự án “Tăng cường nội dung thông tin và truyền thông về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo” là cần thiết, có tác dụng thiết thực.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, QUI MÔ, ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN

1. Quan điểm

- Việc xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch phải bám sát mục tiêu, yêu cầu của Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo theo Quyết định số 2331/QĐ-TTg ngày 20/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Công tác đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số phải có trọng tâm, trọng điểm, trong đó đặc biệt chú trọng đến việc thông tin, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và phòng, trừ dịch bệnh đối với một số

loại cây trồng, vật nuôi mới phù hợp với tiềm năng, thế mạnh phát triển của từng vùng, miền và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khuyến cáo. Huy động nguồn lực và phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức trong hệ thống chính trị - xã hội tham gia vào công tác thông tin, tuyên truyền cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo.

2. Mục tiêu chung

- Tuyên truyền, phổ biến kịp thời và thúc đẩy thực thi chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các chương trình kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn đối với miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo.

- Phổ biến, nhân rộng những kinh nghiệm hay, các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp, giúp bà con nông dân, đồng bào dân tộc thiểu số áp dụng để nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập.

- Tạo sự quan tâm của toàn xã hội đối với chủ trương phát triển kinh tế, xã hội miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo; thu thập, phản ánh những ý kiến đóng góp từ các tổ chức, cơ quan chức năng, người dân thuộc mọi tầng lớp trong xã hội về vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo.

3. Mục tiêu cụ thể

- Từ 70% trở lên người dân nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo được thông tin, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, sự chỉ đạo của các Bộ, ngành và các cấp về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn; Phổ biến, hướng dẫn chi tiết việc áp dụng kỹ thuật sản xuất, phòng, trừ dịch bệnh trên các loại cây trồng, vật nuôi, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, chế biến, bảo quản, định hướng thị trường, tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao giá trị nông sản... phù hợp với từng đối tượng, từng địa bàn.

- 100% lãnh đạo xã, phường, thị trấn phụ trách nông nghiệp; Đài truyền thanh xã, phường, thị trấn; Cán bộ khuyến nông xã; Hội Phụ nữ xã; Hội Nông dân xã; Thư viện xã (Điểm Bưu điện văn hóa xã) của 21 tỉnh trọng tâm của Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo (Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Yên Bái, Lạng Sơn, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng

Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Kiên Giang) được cung cấp một số loại ấn phẩm, xuất bản phẩm, chương trình đĩa VCD để làm tài liệu tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số, gồm:

+ Chuyên đề: Nhà nông & Nghề nông.

+ Bộ sách hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và phòng trừ dịch bệnh trên một số loại cây trồng, vật nuôi.

+ Bộ đĩa VCD hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và phòng trừ dịch bệnh trên một số loại cây trồng, vật nuôi.

4. Quy mô, địa điểm thực hiện

Dự án được thực hiện từ năm 2011 đến năm 2015 tại cấp xã phường, thị trấn của 21 tỉnh trọng tâm của cả nước như: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Yên Bái, Lạng Sơn, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Kiên Giang với 4.401 xã, phường, thị trấn.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Thực hiện Chương trình Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo giai đoạn 2011 – 2015, Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch triển khai: **Dự án 3: “Tăng cường nội dung thông tin và truyền thông về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo”** như sau:

1. Nội dung của dự án:

1.1. Biên soạn, xuất bản ấn phẩm, sản xuất chương trình đĩa VCD về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Biên soạn, xuất bản các loại ấn phẩm, xuất bản phẩm, xây dựng chương trình đĩa VCD sau:

+ Chuyên đề: Nhà nông & Nghề nông.

+ Bộ sách hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và phòng trừ dịch bệnh trên một số loại cây trồng, vật nuôi.

+ Bộ đĩa VCD hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và phòng trừ dịch bệnh trên một số loại cây trồng, vật nuôi. Thể loại: Khoa giáo; thời lượng 15 phút/chương trình.

- Nội dung ấn phẩm, xuất bản phẩm, các chương trình đĩa VCD:

+ Thông tin, tuyên truyền, phổ biến về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các chương trình kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn đối với miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo.

+ Giới thiệu các mô hình sản xuất tiêu biểu, các tấm gương điển hình tiên tiến; các biện pháp, phương thức sản xuất mới, biện pháp phòng, trừ dịch bệnh trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp nhằm giúp người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo có thể áp dụng vào thực tiễn sản xuất nông nghiệp ở địa phương mình để nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập.

- Số lượng:

* Năm 2011

+ Chuyên đề: 8 số/năm (khoảng 12.606 bản/số).

+ Sách: 1 đầu sách (khoảng 13.000 cuốn/đầu sách).

+ Đĩa VCD: 12 chương trình (2 chương trình/đĩa với khoảng 13.000 bộ đĩa)

* Năm 2012 - 2015

+ Chuyên đề: 12 số/năm (khoảng 27.000 bản/số).

+ Sách: 8 đầu sách/bộ (2 đầu sách/năm với khoảng 27.000 cuốn/đầu sách)

+ Đĩa VCD: 48 chương trình (12 chương trình/năm, 2 chương trình/đĩa với khoảng 160.000 đĩa/năm).

- Biện pháp thực hiện:

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

+ Rà soát, phân tích, tổng hợp các loại ấn phẩm, xuất bản phẩm, chương trình truyền hình tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đã có và đang được sử dụng tại các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các cấp.

+ Tập hợp, tuyển chọn, chỉnh lý, cập nhật các nội dung và hình thức thông tin hoặc biên soạn mới các loại ấn phẩm, xuất bản phẩm, chương trình đĩa VCD về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn để tuyên truyền, phổ biến, hướng

dẫn và cung cấp cho người dân nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo.

1.2. Triển khai thông tin, tuyên truyền về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn qua các phương tiện thông tin đại chúng

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành liên quan cung cấp kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn cho trang web của Chính phủ, của Quốc hội, của các Bộ, ngành và các tổ chức liên quan.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thiện, nâng cấp Chuyên mục Quản lý và tra cứu văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn tại trang website của Bộ để người dân có nhu cầu về thông tin tra cứu, tìm hiểu.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan tăng thời lượng và nâng cao chất lượng các chương trình, chuyên mục thông tin, tuyên truyền về nông nghiệp và phát triển nông thôn trên các phương tiện báo hình, báo nói, báo viết của trung ương, của các ngành, tổ chức có liên quan, đặc biệt là phát sóng các chương trình đĩa VCD về hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và phòng trừ dịch bệnh trên một số loại cây trồng, vật nuôi trên truyền hình.

- Các địa phương: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, tổ chức chính trị - xã hội, các ban, ngành liên quan tăng thời lượng và nâng cao chất lượng các chương trình, chuyên mục đã có, đồng thời tổ chức tiếp sóng và phát lại các chương trình phát thanh, truyền hình thông tin về nông nghiệp và phát triển nông thôn trên các phương tiện báo hình, báo nói của địa phương.

1.3. Triển khai thông tin, tuyên truyền về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn bằng các hình thức phù hợp khác

Biện pháp thực hiện:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

+ Rà soát, phân tích, đánh giá và sử dụng các hình thức thông tin, tuyên truyền phù hợp, hiệu quả;

+ Tổ chức thông tin, tuyên truyền bằng các hình thức phù hợp với đối tượng, địa bàn như: lồng ghép tại các hội nghị, hội thảo...

- Các địa phương: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, tổ chức chính trị - xã hội, các ban, ngành địa phương của tỉnh tổ chức thông tin, tuyên truyền về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương bằng các hình thức phù hợp với đối tượng, địa bàn như: qua hệ thống truyền thanh xã, phường, thị trấn hoặc lồng ghép tại các hội nghị, hội thảo của các chương trình khác tại địa phương.

1.4. Hoạt động phối hợp, giám sát, đánh giá

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, các địa phương thực hiện các công việc sau:

+ Tổ chức giám sát, đánh giá việc thực hiện các hoạt động của Dự án trên cơ sở kế hoạch công tác hàng tháng, quý, năm của các cơ quan, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ.

+ Xây dựng và ban hành các văn bản phục vụ cho việc quản lý, điều hành và thực hiện Dự án.

+ Phối hợp tự kiểm tra, đánh giá, báo cáo với việc tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành và sự giám sát, đánh giá của người dân.

2. Dự toán kinh phí

Tổng kinh phí do ngân sách Nhà nước cấp thực hiện tại Trung ương ước tính ước tính: 54.620 triệu đồng, trong đó:

+ Kinh phí sản xuất chương trình đĩa VCD và in sao phát hành phục vụ khu vực miền núi, biên giới, hải đảo và đồng bào dân tộc ước tính: 16.400 triệu đồng.

+ Kinh phí sản xuất ấn phẩm truyền thông phục vụ khu vực miền núi, biên giới, hải đảo và đồng bào dân tộc ước tính: 19.700 triệu đồng.

+ Kinh phí xuất bản phẩm phục vụ khu vực miền núi, biên giới, hải đảo và đồng bào dân tộc ước tính: 9.090 triệu đồng.

+ Kinh phí thông tin điện tử phục vụ nông thôn, miền núi, hải đảo ước tính: 700 triệu đồng

+ Hỗ trợ phát sóng truyền hình phục vụ đồng bào dân tộc miền núi ước tính: 8.000 triệu đồng.

+ Kinh phí quản lý Dự án 3 của Chương trình ước tính: 730 triệu đồng.

Khối lượng công việc và kinh phí thực hiện cần thiết cho việc thực hiện Kế hoạch của từng năm trong giai đoạn 2011-2015 được thể hiện tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này (Biểu 2).

3. Trách nhiệm quản lý, thực hiện Kế hoạch

3.1. Văn phòng Bộ

- Là cơ quan đầu mối; chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện năm;

- Chủ trì, phối hợp việc sản xuất, in sao và phát hành các chương trình đĩa VCD đến các đối tượng.

- Chủ trì, phối hợp thực hiện việc hỗ trợ phát sóng các chương trình đĩa VCD trên truyền hình.

- Tổng hợp báo cáo tiến độ thực hiện, đánh giá, sơ kết, tổng kết.

- Xây dựng dự toán chi tiết cho các hoạt động trình Bộ phê duyệt.

3.2. Vụ Pháp chế

- Phối hợp xây dựng kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp việc biên soạn, in ấn, phát hành sách đến các đối tượng.

- Phối hợp chỉ đạo nội dung các hoạt động.

- Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

3.3. Báo Nông nghiệp Việt Nam

- Phối hợp xây dựng kế hoạch.

- Chủ trì biên tập, xuất bản, phát hành Chuyên đề “Nhà nông & Nghề nông”.

- Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

3.4 Trung tâm Tin học và Thống kê

- Phối hợp xây dựng kế hoạch.

- Chủ trì nâng cấp, quản lý, cập nhật thông tin trên chuyên mục: Quản lý và tra cứu văn bản.

- Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

3.5. Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn

- Phối hợp xây dựng kế hoạch.

- Phối hợp chỉ đạo nội dung các hoạt động.
- Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

3.6. Các Tổng Cục, Cục có liên quan

Cử cán bộ tham gia biên soạn tài liệu về chuyên ngành liên quan.

3.7. Vụ Tài chính

Hướng dẫn, thẩm định dự toán chi tiết, trình Bộ phê duyệt.

III. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG VÀ HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN

1. Đối tượng thụ hưởng Dự án

- Người dân nông thôn;
- Đồng bào dân tộc thiểu số;
- Lãnh đạo xã, phường, thị trấn phụ trách nông nghiệp.
- Cán bộ khuyến nông xã.
- Hội Phụ nữ xã.
- Hội Nông dân xã.
- Đài truyền thành xã, phường, thị trấn.
- Thư viện xã (Điểm Bưu điện văn hóa xã).

2. Hiệu quả kinh tế và xã hội của Dự án

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, đoàn thể trong hoạt động đưa thông tin, tuyên truyền về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo.

- Đưa công tác thông tin, tuyên truyền về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo thành hoạt động thường xuyên trong hoạt động quản lý nhà nước của các Bộ, ngành và địa phương.

- Khẳng định vị trí, vai trò của công tác thông tin, tuyên truyền về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trong thực tiễn, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn, tạo sự chuyển biến nhanh hơn ở các vùng còn nhiều khó khăn, đặc biệt là việc nâng cao khả năng tiếp cận thông tin về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn cho mọi vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo, giúp bà

con nông dân, đồng bào dân tộc thiểu số học tập, áp dụng khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp để nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập.

- Tạo sự quan tâm của toàn xã hội đối với chủ trương phát triển kinh tế, xã hội miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo góp phần thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, xoá đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế, xã hội kết hợp với bảo vệ môi trường.

IV. QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Cơ quan chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Cơ quan phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban Dân tộc, Đài Truyền hình Việt Nam, Bộ Quốc phòng, các Bộ, ngành, địa phương liên quan.

- Thời gian thực hiện: 05 năm (2011 - 2015).

1. Tiến độ thực hiện

Việc thực hiện Dự án được chia làm 2 giai đoạn, cụ thể như sau:

Giai đoạn I: Từ năm 2011 đến hết năm 2013 tiến hành những công việc sau: xây dựng Dự án, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng, trình phê duyệt Dự án; thành lập Ban Quản lý Dự án chỉ đạo, tổ chức, quản lý và triển khai thực hiện Dự án; xây dựng ban hành các văn bản phục vụ cho việc quản lý, điều hành và thực hiện Dự án; xây dựng, biên soạn, xuất bản các ấn phẩm, xuất bản phẩm, chương trình truyền hình phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến về thông tin nông nghiệp; tổ chức phát hành, thông tin, phổ biến bằng các hình thức phù hợp đến các đối tượng, vùng, miền; kiểm tra việc thực hiện các nội dung của Dự án; sơ kết công tác thực hiện Dự án.

Giai đoạn II: Từ năm 2012 đến hết năm 2015 tiến hành những công việc sau:

Tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện các ấn phẩm, xuất bản phẩm, xây dựng các chương trình truyền hình phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin nông nghiệp cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo; tiếp tục tổ chức tuyên truyền, phổ biến thông tin nông nghiệp thông qua các hình thức phù hợp với các ấn phẩm, xuất bản phẩm, chương trình truyền hình đã được biên soạn, chỉnh lý, xây dựng; kiểm tra việc thực hiện các nội dung của Dự án; tổng kết Dự án vào quý IV năm 2015.

2. Tổ chức điều hành

- Thành lập Ban Quản lý Dự án chỉ đạo, tổ chức, quản lý và triển khai thực hiện Dự án ở Trung ương do 01 Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn làm Trưởng ban, lãnh đạo Văn phòng Bộ, Vụ Pháp chế làm Phó ban thường trực, các thành viên là đại diện lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ.

- Ban Quản lý Dự án có trách nhiệm trình Bộ ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động của Ban; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Dự án; chỉ đạo, điều phối các hoạt động của Dự án nhằm tạo sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất; sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện Dự án, đề ra các giải pháp cụ thể tăng cường hiệu quả hoạt động của Dự án; đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác thực hiện Dự án.

- Tổ Thư ký giúp việc Ban Quản lý Dự án do Trưởng ban quyết định thành lập và phân công nhiệm vụ.

- Các cơ quan, tổ chức được phân công chủ trì các hoạt động của Dự án có trách nhiệm chỉ đạo, điều hành và quản lý việc thực hiện phần công việc được giao; phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý Dự án triển khai thực hiện các hoạt động.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo giai đoạn 2012 -2015, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình Chính phủ phê duyệt để làm cơ sở triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ trưởng Cao Đức Phát (b/c);
- Vụ Pháp chế;
- Cục Kinh tế hợp tác và PTNT;
- Báo Nông nghiệp Việt Nam;
- Trung tâm Tin học Thống kê;
- Vụ Tài chính;
- Lưu: VT, TT.

KT. BỘ TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Xuân Thu

DANH SÁCH CÁC ĐỊA ĐIỂM VỊ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN CỦA CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA ĐƯA THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ MIỀN NÚI, VÙNG SÂU, VÙNG XA, BIÊN GIỚI VÀ HẢI ĐẢO GIAI ĐOẠN 2011-2015

(Kèm theo Kế hoạch số **1275** /KH-BNN-VP ngày **10** tháng **5** năm 2011
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

	Tên huyện, xã	Dự án 3	
		Được cấp xuất bản phẩm	Được cấp ấn phẩm truyền thông
1	2	13	14
I	Tất cả các xã, phường, thị trấn (gồm: 4401 xã) của 21 tỉnh trọng tâm của Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo (Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Yên Bái, Lạng Sơn, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Kiên Giang)	x	x

Ghi chú: Từ cột 4 đánh dấu (x) vào các ô tương ứng với nội dung thực hiện trên địa bàn huyện, xã.



TỔNG HỢP KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
 THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ MIỀN NÚI, VÙNG XA, BIÊN GIỚI VÀ HẢI ĐẢO GIAI ĐOẠN 2011-2015

Quy hoạch số 1275 /KH-BNN-VP ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Đơn vị tính: triệu đồng

ST T	Chương trình, dự án	KH 2011 (1)		DK 2012		DK 2013		DK 2014		DK 2015*		Tổng cộng 2011-2015	
		Tổng số	Vốn SN	Tổng số	Vốn SN	Tổng số	Vốn SN	Tổng số	Vốn SN	Tổng số	Vốn SN	Tổng số	Vốn SN
	TỔNG SỐ KINH PHÍ C.TRÌNH MTQG												
	- Ngân sách trung ương	3000	3000	12980	12980	12880	12880	12880	12880	12880	12880	54620	54620
	- Ngân sách địa phương												
	- Vốn tín dụng												
	- Vốn huy động khác												
1	Dự án 3: Tăng cường nội dung thông tin và truyền thông về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo	3 000	3 000	12980	12980	12880	12880	12880	12880	12880	12880	54620	54620
1	Sản xuất chương trình truyền hình (đĩa VCD và in sao phát hành) phục vụ khu vực miền núi, biên giới, hải đảo và đồng bào dân tộc	720	720	3920	3920	3920	3920	3920	3920	3920	3920	16400	16400
	- Số lượng chương trình truyền hình được sản xuất	12 c.trình		12 c.trình		12 c.trình		12 c.trình		12 c.trình			
	- Tổng thời lượng sản xuất chương trình	3 giờ		3 giờ		3 giờ		3 giờ		3 giờ			
	Số đĩa cung cấp cho các đối tượng			160000 đĩa		160000 đĩa		160000 đĩa		160000 đĩa			
	Kinh phí sản xuất chương trình	720		720		720		720		720		720	
	Kinh phí in sao đĩa			3200		3200		3200		3200		3200	
	- Tổng kinh phí thực hiện, trong đó:	720	720	3920	3920	3920	3920	3920	3920	3920	3920	3920	3920
	+ Kinh phí ngân sách Trung ương	720	720	3920	3920	3920	3920	3920	3920	3920	3920	3920	3920
	+ Kinh phí ngân sách địa phương												
2	Sản xuất ấn phẩm truyền thông phục vụ khu vực miền núi, biên giới, hải đảo và đồng bào dân tộc	1700	1700	4500	4500	4500	4500	4500	4500	4500	4500	19700	19700
	- Số ấn phẩm truyền thông (chuyên đề Nhà nông và Nghề nông) được xuất bản	101000 cuốn		317000 cuốn		317000 cuốn		317000 cuốn		317000 cuốn			
	- Tổng kinh phí thực hiện, trong đó:	1700	1700	4500	4500	4500	4500	4500	4500	4500	4500	4500	4500
	+ Kinh phí ngân sách Trung ương	1700	1700	4500	4500	4500	4500	4500	4500	4500	4500	4500	4500
	+ Kinh phí ngân sách địa phương												
3	Xuất bản phẩm phục vụ khu vực miền núi, biên giới, hải đảo và đồng bào dân tộc	450	450	2160	2160	2160	2160	2160	2160	2160	2160	9090	9090
	- Số đầu sách xuất bản phẩm cung cấp cho khu vực miền núi, biên giới, hải đảo và đồng bào dân tộc	1		2		2		2		2			
	- Số bản in cung cấp cho khu vực miền núi, biên giới, hải đảo và đồng bào dân tộc	13000		54000									
	- Tổng kinh phí thực hiện, trong đó:	450	450	2160	2160	2160	2160	2160	2160	2160	2160	2160	2160
	+ Kinh phí ngân sách Trung ương	450	450	2160	2160	2160	2160	2160	2160	2160	2160	2160	2160
	+ Kinh phí ngân sách địa phương												

ST T	Chương trình	KH 2011 (1)		DK 2012		DK 2013		DK 2014		DK 2015		Tổng cộng 2011-2015	
		Tổng số	Vốn SN	Tổng số	Vốn SN	Tổng số	Vốn SN	Tổng số	Vốn SN	Tổng số	Vốn SN	Tổng số	Vốn SN
4	Thông tin điện thoại, miền núi, hải đảo			250	250	150	150	150	150	150	150	700	700
	- Số dự án thực hiện												
	- Tổng kinh phí thực hiện, trong đó:			250	250	150	150	150	150	150	150		
	+ Kinh phí ngân sách Trung ương			250	250	150	150	150	150	150	150		
	+ Kinh phí ngân sách địa phương												
5	Hỗ trợ phát sóng truyền hình phục vụ đồng bào dân tộc, miền núi			2000	2000	2000	2000	2000	2000	2000	2000	8000	8000
	- Thời lượng phát sóng			12 giờ		12 giờ		12 giờ		12 giờ			
	- Tổng kinh phí thực hiện, trong đó:												
	+ Kinh phí ngân sách Trung ương			2000	2000	2000	2000	2000	2000	2000	2000		
	+ Kinh phí ngân sách địa phương												
6	Kinh phí quản lý Dự án 3 của Chương trình	130	130	150	150	150	150	150	150	150	150	730	730
	(1) Số giao dự toán năm 2011												

